

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

---

**Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 03 năm 2026**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 47



# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh). Thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 về việc cập nhật địa chỉ theo địa giới hành chính mới.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/6/2025)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 27/6/2025)

#### Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 155/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 27/3/2026, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

---

**Lưu Minh Tới****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.888.737.285.056</b>	<b>1.646.286.558.124</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>313.276.951.138</b>	<b>189.258.492.532</b>
1. Tiền	111		218.353.951.138	108.258.492.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		94.923.000.000	81.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>30.081.082.000</b>	<b>16.151.205.994</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.081.082.000	16.151.205.994
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>991.473.575.732</b>	<b>899.927.410.921</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	836.268.546.131	707.515.475.503
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	37.719.296.422	81.007.023.245
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	122.692.647.239	113.438.019.766
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(5.206.914.060)	(2.033.107.593)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>464.127.497.909</b>	<b>442.016.202.145</b>
1. Hàng tồn kho	141		465.801.895.253	443.351.420.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.674.397.344)	(1.335.218.039)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>89.778.178.277</b>	<b>98.933.246.532</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6.885.316.024	10.435.232.071
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.150.858.493	86.618.539.200
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	5.742.003.760	1.879.475.261
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>406.034.651.870</b>	<b>448.635.191.160</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.085.265.469</b>	<b>27.291.265.469</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	15.085.265.469	27.291.265.469
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>164.531.575.878</b>	<b>180.245.464.931</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	155.646.565.624	174.311.256.365
- Nguyên giá	222		755.236.272.505	780.837.067.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(599.589.706.881)	(606.525.810.785)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	8.885.010.254	5.934.208.566
- Nguyên giá	228		46.766.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.881.808.609)	(36.832.610.297)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.877.358.041</b>	<b>4.541.477.414</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	9.877.358.041	4.541.477.414
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>176.775.130.338</b>	<b>195.716.895.555</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		79.216.920.657	96.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	31.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.706.922.224)	(45.992.157.007)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		23.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.765.322.144</b>	<b>40.840.087.791</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	39.765.322.144	40.840.087.791
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.294.771.936.926</b>	<b>2.094.921.749.284</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.874.470.110.872</b>	<b>1.690.852.858.287</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.648.704.173.822</b>	<b>1.631.319.307.305</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	236.120.548.976	176.044.814.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	11.173.391.216	33.016.896.452
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.278.877.066	5.690.992.100
4. Phải trả người lao động	314		97.841.558.435	75.467.467.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	41.997.737.799	49.746.954.756
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	13.834.555.940	1.462.684.176
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	10.988.196.937	10.192.537.560
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.208.154.083.943	1.256.211.469.895
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		21.315.223.510	23.485.490.848
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>225.765.937.050</b>	<b>59.533.550.982</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	24.879.437.050	25.569.273.282
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	3.400.000.000	9.994.277.700
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	17.850.000.000	23.970.000.000
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.19	179.636.500.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>420.301.826.054</b>	<b>404.068.890.997</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>420.301.826.054</b>	<b>404.068.890.997</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.242.591.185	45.642.229.475
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.059.234.869	158.426.661.522
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>106.464.997.657</i>	<i>106.419.427.332</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>65.594.237.212</i>	<i>52.007.234.190</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.294.771.936.926</b>	<b>2.094.921.749.284</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.965.771.211.930	2.897.955.758.970
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.008.073.245	5.190.450.195
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>6.3</b>	<b>2.959.763.138.685</b>	<b>2.892.765.308.775</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	2.394.114.609.019	2.342.420.997.136
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>565.648.529.666</b>	<b>550.344.311.639</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	53.869.422.338	57.933.802.927
7. Chi phí tài chính	22	6.6	74.275.774.540	75.406.278.843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.646.848.501	47.436.130.769
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	239.101.654.447	229.426.330.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	232.670.405.171	239.202.493.792
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>73.470.117.846</b>	<b>64.243.011.012</b>
11. Thu nhập khác	31	6.8	4.601.238.675	8.093.825.698
12. Chi phí khác	32	6.8	54.399.468	7.965.100.063
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.8</b>	<b>4.546.839.207</b>	<b>128.725.635</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>78.016.957.053</b>	<b>64.371.736.647</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.422.719.841	12.364.502.457
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>65.594.237.212</b>	<b>52.007.234.190</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyển



Nguyễn Ngọc Lân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78.016.957.053	64.371.736.647
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		30.884.805.000	39.164.587.519
- Các khoản dự phòng	03		5.227.750.989	1.201.055.669
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		912.538.862	2.960.393.457
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.644.802.827)	(21.706.325.623)
- Chi phí lãi vay	06		53.646.848.501	47.436.130.769
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		141.044.097.578	133.427.578.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.507.091.926)	(142.432.299.596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.450.475.069)	13.480.164.793
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57.325.816.404	(25.642.237.775)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.344.103.028	(8.637.808.001)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(53.646.848.501)	(48.097.994.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.743.546.033)	(10.706.556.612)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.531.569.493)	(6.851.039.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>33.834.485.988</b>	<b>(95.460.191.827)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21.194.830.494)	(52.013.665.759)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.275.881.391	336.351.124
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.078.000.000)	(18.151.205.994)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.125.123.994	11.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.250.000.000	1.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.190.813.454	16.211.235.242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>4.568.988.345</b>	<b>(41.617.285.387)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.900.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.614.466.750.100	2.428.947.725.235
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.489.007.636.052)	(2.202.821.274.817)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.000.000.000)	(38.220.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>85.459.114.048</b>	<b>196.806.450.418</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>		<b>123.862.588.381</b>	<b>59.728.973.204</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		189.258.492.532	129.667.196.220
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		155.870.225	(137.676.892)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>313.276.951.138</b>	<b>189.258.492.532</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh). Thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 về việc cập nhật địa chỉ theo địa giới hành chính mới.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 27 ngày 04/9/2025 là 200.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 2.746 người (tại ngày 31/12/2024 là: 2.980 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

#### **1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con trực tiếp</b>					
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường Vị Thanh, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm công nghiệp Tam Quan, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Ấp Bình Tạo xã Trung An, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204, đường Thống Nhất, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105, đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
<b>Công ty con gián tiếp</b>					
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (i)	Số 68 Nguyễn Khuyến, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	100,00%	51,00%	51,00%

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh là Công ty con gián tiếp của Tổng Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường Sóc Trăng, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215 Hàng Thao, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90 Bis Tôn Thất Thuyết, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
<b>Các đơn vị trực thuộc</b>		<b>Địa chỉ</b>			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		Lô số 1, Khu Công nghiệp Dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thẳng, phường Đông Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		Số 54 đường Phạm Ngọc Thạch, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		Km3 - Quốc lộ 14, phường Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		Số 02, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh		2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB			

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### *Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

##### *Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp*

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2025.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác***

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### ***Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ***

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty (bao gồm các khoản phải trả với Công ty con, công ty liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí gia công, chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

#### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng, và ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng).

**Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

##### ***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	15.360.129.726	11.408.206.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	202.993.821.412	96.850.285.869
Các khoản tương đương tiền	94.923.000.000	81.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>94.923.000.000</i>	<i>81.000.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>313.276.951.138</b>	<b>189.258.492.532</b>

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất theo từng thời điểm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền tại ngày 31/12/2025 là 923.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 0 VND) đang được cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>30.081.082.000</b>	<b>30.081.082.000</b>	<b>16.151.205.994</b>	<b>16.151.205.994</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.081.082.000	30.081.082.000	16.151.205.994	16.151.205.994
<b>b) Dài hạn</b>	<b>23.000.000</b>	<b>23.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	23.000.000	23.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>30.104.082.000</b>	<b>30.104.082.000</b>	<b>16.151.205.994</b>	<b>16.151.205.994</b>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 36 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất theo từng thời điểm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 15.104.082.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.651.205.994 VND) đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,  
thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư tài chính dài hạn**

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)			
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
	<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>113.985.268.520</b>		<b>113.985.268.520</b>			
					<b>Dự phòng</b>		<b>Dự phòng</b>		
1	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	(i)	-	27.782.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	(i)	-	17.850.000.000	(i)	-
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)
4	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	25.500.000.000	(i)	-	25.500.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	(i)	-	11.535.620.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000	(i)	-	10.200.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	(i)	-	5.817.648.520	(i)	-
	<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>79.216.920.657</b>		<b>(30.467.037.250)</b>	<b>96.466.920.657</b>		<b>(30.556.694.277)</b>
	<b>Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh</b>								
1	(Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) (ii)			-	(i)	-	17.250.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	(i)	-	15.360.000.000	(i)	-
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(i)	(4.943.310.648)	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	(i)	-	9.180.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(i)	(903.726.602)	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	3.429.000.000	(i)	-	3.429.000.000	(i)	-
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000	(i)	-	5.000.000.000	(i)	-
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	(i)	-	1.500.000.000	(i)	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,  
thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>31.256.863.385</b>		<b>(1.939.884.974)</b>	<b>31.256.863.385</b>		<b>(135.462.730)</b>
1	Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(i)	(783.297.944)	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (iii)	2,61%	2,61%	5.337.100.000	6.408.097.500	-	5.337.100.000	9.023.647.500	-
4	Công ty Cổ phần Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(i)	(1.156.587.030)	3.480.000.000	(i)	-
	<b>Tổng</b>			<b>224.459.052.562</b>		<b>(47.706.922.224)</b>	<b>241.709.052.562</b>		<b>(45.992.157.007)</b>

- (i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Trong năm 2025, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) với giá trị vốn góp là 17.250.000.000 VND cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè, giá phí chuyển nhượng bằng giá gốc. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty.
- (iii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2025 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
BMB Clothing Group	32.899.085.856	35.097.506.252
Arcadia Group Brands Ltd.	-	4.206.480.004
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	31.894.672.484	32.750.303.316
Haggar Clothing Co	12.176.974.594	75.927.992.714
Motives International (Hong Kong) Ltd.	47.040.393.729	61.864.466.325
Mango Mng, S.A. (Trước đây là: Punto FA,S.L)	153.492.509.524	142.258.466.414
Công ty Cổ phần May Gia Lai	2.158.880.194	7.325.767.909
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	91.591.078.012	49.904.226.874
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	325.569.621	301.453.918
Phải thu các đối tượng khác	464.689.382.117	297.878.811.777
<b>Tổng</b>	<b>836.268.546.131</b>	<b>707.515.475.503</b>
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>192.880.420.399</i>	<i>151.459.873.065</i>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.195.548.126	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	5.900.862.573	5.899.802.041
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	8.426.629.158	53.079.126.335
Đối tượng khác	8.196.256.565	6.378.861.136
<b>Tổng</b>	<b>37.719.296.422</b>	<b>81.007.023.245</b>
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>33.322.136.397</i>	<i>75.562.258.649</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>122.692.647.239</b>	<b>(138.092.286)</b>	<b>113.438.019.766</b>	<b>(295.574.648)</b>
- Phải thu cổ tức	7.219.707.481	-	3.383.618.976	-
- Phải thu người lao động	9.261.967.006	-	8.982.963.284	-
- Ký quỹ, ký cược	155.252.024	-	142.357.595	-
- Phải thu khác, trong đó:	106.055.720.728	(138.092.286)	100.929.079.911	(295.574.648)
+ <i>Phải thu các Công ty con, công ty liên kết</i>	<i>66.895.043.047</i>	-	<i>64.444.173.169</i>	-
+ <i>Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (i)</i>	<i>27.470.030.000</i>	-	<i>19.180.230.000</i>	-
+ <i>Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh</i>	-	-	<i>1.519.993.027</i>	-
+ <i>Phải thu khác</i>	<i>11.690.647.681</i>	<i>(138.092.286)</i>	<i>15.784.683.715</i>	<i>(295.574.648)</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.085.265.469</b>	<b>-</b>	<b>27.291.265.469</b>	<b>-</b>
- Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết	13.530.555.553	-	25.530.555.553	-
- Ký quỹ, ký cược	1.554.709.916	-	1.760.709.916	-
<b>Tổng</b>	<b>137.777.912.708</b>	<b>(138.092.286)</b>	<b>140.729.285.235</b>	<b>(295.574.648)</b>
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>83.552.235.081</i>	-	<i>89.160.172.145</i>	-

- (i) Đây là số tiền uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A uỷ thác cho Bên B sử dụng số tiền uỷ thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	30.345.365	-	6.778.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	98.056.274.587	-	103.181.711.473	-
Công cụ, dụng cụ	6.315.925.024	-	4.852.484.495	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	267.869.607.157	-	212.025.418.466	-
Thành phẩm	59.196.267.961	(1.674.397.344)	66.934.985.533	(1.335.218.039)
Hàng hóa	4.353.494.534	-	17.849.339.232	-
Hàng gửi bán	29.979.980.625	-	38.500.702.185	-
<b>Tổng</b>	<b>465.801.895.253</b>	<b>(1.674.397.344)</b>	<b>443.351.420.184</b>	<b>(1.335.218.039)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.885.316.024</b>	<b>10.435.232.071</b>
Chi phí thuê mặt bằng	225.545.898	2.322.104.509
Chi phí bảo hiểm	2.517.143.098	2.384.820.419
Chi phí quảng cáo	629.358.332	684.702.524
Chi phí công cụ dụng cụ	754.022.124	605.046.892
Chi phí sửa chữa	420.536.997	1.398.484.921
Chi phí khác	2.338.709.575	3.040.072.806
<b>b) Dài hạn</b>	<b>39.765.322.144</b>	<b>40.840.087.791</b>
Chi phí thuê đất (i)	11.550.643.000	12.001.911.508
Chi phí sửa chữa	12.618.536.966	9.942.606.787
Chi phí công cụ dụng cụ	8.374.265.938	11.382.868.281
Chi phí phụ tùng	594.956.007	-
Chi phí tư vấn, đào tạo	499.999.992	999.999.996
Chi phí quảng cáo	284.375.000	113.309.647
Chi phí khác	5.842.545.241	6.399.391.572
<b>Tổng</b>	<b>46.650.638.168</b>	<b>51.275.319.862</b>

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngã Thẳng, phường Đông Hoà, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>7.498.158.041</b>	<b>4.541.477.414</b>
Mua sắm phần mềm Datawarehouse, AI Agent, Portal	3.400.000.000	-
Mua sắm máy móc thiết bị	4.098.158.041	4.541.477.414
<b>Sửa chữa tài sản cố định</b>	<b>2.379.200.000</b>	<b>-</b>
Nâng cấp, cải tạo Cụm Công nghiệp Cát Trinh	2.379.200.000	-
<b>Tổng</b>	<b>9.877.358.041</b>	<b>4.541.477.414</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,  
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Nợ xấu**

Đối tượng	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)			Giá trị có thể thu hồi	
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)		
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>								
Công ty TNHH Asia Garment	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất May mặc Phú Khang	Từ 01 - 02 năm	7.558.948.169	(2.824.624.242)	4.734.323.927				
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.530.825.757	(1.530.825.757)	-	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>								
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	138.092.286	(138.092.286)	-	Từ 02 đến 03 năm	438.402.224	(295.574.649)	142.827.575
<b>Tổng</b>		<b>9.941.237.987</b>	<b>(5.206.914.060)</b>	<b>4.734.323.927</b>		<b>2.175.935.168</b>	<b>(2.033.107.593)</b>	<b>142.827.575</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2025	290.091.627.298	376.978.039.022	109.134.622.727	4.632.778.103	780.837.067.150
Tăng trong năm	-	11.248.065.746	1.330.305.455	-	12.578.371.201
Mua trong năm	-	11.248.065.746	1.330.305.455	-	12.578.371.201
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(3.830.824.625)</b>	<b>(27.320.758.697)</b>	<b>(6.231.171.668)</b>	<b>(796.410.856)</b>	<b>(38.179.165.846)</b>
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(22.024.257.696)	(5.333.049.123)	(83.000.000)	(28.245.661.819)
Giảm khác (i)	(3.025.469.625)	(5.296.501.001)	(898.122.545)	(713.410.856)	(9.933.504.027)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>286.260.802.673</b>	<b>360.905.346.071</b>	<b>104.233.756.514</b>	<b>3.836.367.247</b>	<b>755.236.272.505</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2025	198.181.938.133	318.493.520.365	85.503.801.233	4.346.551.054	606.525.810.785
Tăng trong năm	7.475.710.583	18.404.502.356	3.823.682.399	131.711.350	29.835.606.688
Khấu hao trong năm	7.475.710.583	18.404.502.356	3.823.682.399	131.711.350	29.835.606.688
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(3.111.403.291)</b>	<b>(26.912.084.158)</b>	<b>(5.951.812.287)</b>	<b>(796.410.856)</b>	<b>(36.771.710.592)</b>
Thanh lý nhượng bán	(805.355.000)	(21.615.583.157)	(5.053.689.742)	(83.000.000)	(27.557.627.899)
Giảm khác (i)	(2.306.048.291)	(5.296.501.001)	(898.122.545)	(713.410.856)	(9.214.082.693)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>202.546.245.425</b>	<b>309.985.938.563</b>	<b>83.375.671.345</b>	<b>3.681.851.548</b>	<b>599.589.706.881</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2025	91.909.689.165	58.484.518.657	23.630.821.494	286.227.049	174.311.256.365
Tại ngày 31/12/2025	83.714.557.248	50.919.407.508	20.858.085.169	154.515.699	155.646.565.624

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 443.150.376.001 VND (tại ngày 01/01/2025 là 426.717.385.258 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 2.727.437.365 VND (tại ngày 01/01/2025 là 9.498.873.005 VND).

(i) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị theo Quyết định số 25/2025/QĐ-NBC ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Công ty về việc thanh lý tài sản cố định theo hình thức hủy bỏ và ghi giảm khỏi danh mục tài sản cố định của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong năm	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Mua sắm trong năm	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>10.449.268.907</b>	<b>5.838.965.451</b>	<b>30.478.584.505</b>	<b>46.766.818.863</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	6.363.979.129	5.838.965.451	24.629.665.717	36.832.610.297
Tăng trong năm	368.517.778	-	680.680.534	1.049.198.312
Khấu hao trong năm	368.517.778	-	680.680.534	1.049.198.312
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>6.732.496.907</b>	<b>5.838.965.451</b>	<b>25.310.346.251</b>	<b>37.881.808.609</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2025	4.085.289.778	-	1.848.918.788	5.934.208.566
Tại ngày 31/12/2025	3.716.772.000	-	5.168.238.254	8.885.010.254

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 30.294.563.982 VND (tại ngày 01/01/2025 là 23.098.542.933 VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Tam Quan	24.817.585.531	24.817.585.531	17.843.292.304	17.843.292.304
Motives (Far East) Ltd.	3.978.300.151	3.978.300.151	2.793.835.214	2.793.835.214
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	5.629.256.844	5.629.256.844	3.936.453.524	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	13.434.853.644	13.434.853.644	8.564.698.109	8.564.698.109
Các đối tượng khác	188.260.552.806	188.260.552.806	142.906.534.892	142.906.534.892
<b>Tổng</b>	<b>236.120.548.976</b>	<b>236.120.548.976</b>	<b>176.044.814.043</b>	<b>176.044.814.043</b>
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>67.996.449.794</i>	<i>67.996.449.794</i>	<i>53.519.950.811</i>	<i>53.519.950.811</i>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.050.150.495	2.665.315.854
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở	-	23.742.097.920
Grosso Moda Netherland B.V	-	1.436.966.843
Carreman International	4.097.820.000	-
Các đối tượng khác	6.025.420.721	5.172.515.835
<b>Tổng</b>	<b>11.173.391.216</b>	<b>33.016.896.452</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	<b>Phải nộp</b>	<b>5.690.992.100</b>	<b>51.890.185.874</b>	<b>50.302.300.908</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.964.558.937	27.345.916.515	24.012.425.592	5.298.049.860
Thuế xuất nhập khẩu	35.811.221	1.490.849.637	1.424.982.000	101.678.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.657.945.845	12.422.719.841	14.080.665.686	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.504.879.677	8.031.136.323	8.283.198.867	1.252.817.133
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.986.365.041	1.986.365.041	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	527.796.420	613.198.517	514.663.722	626.331.215
<b>Phải thu</b>	<b>1.879.475.261</b>	<b>-</b>	<b>3.862.528.499</b>	<b>5.742.003.760</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	-	29.510.439	1.749.590.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.662.880.347	3.662.880.347
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	170.137.713	329.533.369

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	12.068.752.571	11.420.606.007
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	5.746.454.798	10.461.278.348
Trích trước chi phí gia công	15.292.881.616	23.056.732.744
Chi phí điện, nước, vận chuyển	8.170.748.938	4.013.154.930
Chi phí phải trả khác	718.899.876	795.182.727
<b>Tổng</b>	<b>41.997.737.799</b>	<b>49.746.954.756</b>

**5.16 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.834.555.940</b>	<b>1.462.684.176</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.834.555.940	1.462.684.176
- Các đối tượng khác	13.834.555.940	1.462.684.176
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24.879.437.050</b>	<b>25.569.273.282</b>
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	24.879.437.050	25.569.273.282
- Công ty Cổ phần May Tam Quan	3.096.891.200	3.121.290.664
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5.187.173.826	5.358.592.447
- Công ty TNHH Delta Galil VN	12.862.395.476	13.127.279.527
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Wash HNC	3.732.976.548	3.962.110.644
<b>Tổng</b>	<b>38.713.992.990</b>	<b>27.031.957.458</b>
<i>Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>3.096.891.200</i>	<i>3.121.290.664</i>

**5.17 Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.988.196.937</b>	<b>10.192.537.560</b>
- Kinh phí công đoàn	3.044.737.326	2.009.972.967
- Bảo hiểm xã hội	6.225.932	12.321.064
- Phải trả khác	7.937.233.679	8.170.243.529
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>9.994.277.700</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.400.000.000	9.994.277.700
<b>Tổng</b>	<b>14.388.196.937</b>	<b>20.186.815.260</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.208.154.083.943</b>	<b>1.208.154.083.943</b>	<b>2.440.950.250.100</b>	<b>2.489.007.636.052</b>	<b>1.256.211.469.895</b>	<b>1.256.211.469.895</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.202.034.083.943</i>	<i>1.202.034.083.943</i>	<i>2.434.830.250.100</i>	<i>2.481.575.636.052</i>	<i>1.248.779.469.895</i>	<i>1.248.779.469.895</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	309.227.980.071	309.227.980.071	680.538.813.414	761.265.890.762	389.955.057.419	389.955.057.419
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	549.001.635.570	549.001.635.570	1.098.143.809.896	1.018.908.557.830	469.766.383.504	469.766.383.504
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	213.228.705.931	213.228.705.931	384.211.182.924	322.260.214.852	151.277.737.859	151.277.737.859
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	5.288.907.662	5.288.907.662	5.307.555.288	14.728.303.392	14.709.655.766	14.709.655.766
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (5)	125.286.854.709	125.286.854.709	256.698.849.192	339.294.914.623	207.882.920.140	207.882.920.140
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	9.930.039.386	25.117.754.593	15.187.715.207	15.187.715.207
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>6.120.000.000</i>	<i>6.120.000.000</i>	<i>6.120.000.000</i>	<i>7.432.000.000</i>	<i>7.432.000.000</i>	<i>7.432.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi	-	-	-	1.312.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>17.850.000.000</b>	<b>17.850.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.120.000.000</b>	<b>23.970.000.000</b>	<b>23.970.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (6)	17.850.000.000	17.850.000.000	-	6.120.000.000	23.970.000.000	23.970.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.226.004.083.943</b>	<b>1.226.004.083.943</b>	<b>2.440.950.250.100</b>	<b>2.495.127.636.052</b>	<b>1.280.181.469.895</b>	<b>1.280.181.469.895</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 130/98099/25-DN1/N-CTD ngày 11/8/2025;  
Hạn mức vay: 340.000.000.000 VND;  
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 11/3/2026;  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;  
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;  
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/4/2025;  
Hạn mức vay: 700.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 08/7/2024;  
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 04/4/2026.  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;  
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;  
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.4605.031125 ngày 27/11/2025;  
Hạn mức vay: 300.000.000.000 VND hoặc USD tương đương;  
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;  
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;  
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:
- Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 21/2025/HDTD-HM/TTKD ngày 29/09/2025;
- Hạn mức vay: + Hạn mức cho vay: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;  
+ Hạn mức cấp bảo lãnh: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;  
+ Hạn mức phát hành thư tín dụng: 10,000,000 USD hoặc VND tương đương;  
+ Hạn mức chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu: 1,000,000 USD;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;
- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp hợp đồng tiền gửi có giá trị 2.500.000.000 VND;
- (5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:
- Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 326921.25.103.773157.TD ngày 14/8/2025;
- Hạn mức vay: Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức: đến ngày 31/7/2026;
- Lãi suất vay: theo từng hợp đồng cấp tín dụng hoặc văn bản nhận nợ;
- Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
- Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- (6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:
- Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCTNBC\_KONTUM;
- Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;
- Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:  
Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC\_KONTUM ngày 13/12/2023;  
Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS\_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC\_KONTUM ngày 13/12/2023;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.19 Trái phiếu chuyển đổi**

	31/12/2025 (VND)			Trong năm		01/01/2025 (VND)		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Năm)	Phát hành trái phiếu/ Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong năm (VND)	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (VND)	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Năm)
Mệnh giá trái phiếu phát hành	180.000.000.000	5,0	02 năm	180.000.000.000	-	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(363.500.000)			(363.500.000)	-	-		
<b>Tổng (i)</b>	<b>179.636.500.000</b>			<b>179.636.500.000</b>	-			

(i) Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

- Tên trái phiếu : Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần;
- Loại trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp;
- Mã số trái phiếu: : MNB425035;
- Ngày phát hành : 08/12/2025;
- Ngày đáo hạn : 08/12/2027;
- Mệnh giá trái phiếu : 100.000 VND/trái phiếu;
- Hình thức phát hành: : Trái phiếu chuyển đổi phát hành ra công chúng;
- Khối lượng trái phiếu phát hành : 1.800.000 trái phiếu;
- Mục đích sử dụng vốn từ trái phiếu : Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;
- Thời hạn chuyển đổi: : Trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong 01 đợt. Đợt chuyển đổi vào ngày tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu : 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,  
thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Tăng vốn trong năm trước	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	52.007.234.190	52.007.234.190
Chia cổ tức	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	2.548.295.590	(2.548.295.590)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.644.886.769)	(7.644.886.769)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.528.977.354)	(1.528.977.354)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2024</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>45.642.229.475</b>	<b>158.426.661.522</b>	<b>404.068.890.997</b>
Số dư tại ngày 01/01/2025	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997
Lãi trong năm nay	-	-	65.594.237.212	65.594.237.212
Chia cổ tức (i)	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.600.361.710	(2.600.361.710)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(7.801.085.129)	(7.801.085.129)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	(1.560.217.026)	(1.560.217.026)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2025</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>48.242.591.185</b>	<b>172.059.234.869</b>	<b>420.301.826.054</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/6/2025 như sau:

	<b>Số tiền (VND)</b>
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế	2.600.361.710
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế	7.801.085.129
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	1.560.217.026
• Chia cổ tức: 20% vốn điều lệ	40.000.000.000

**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	48.787.060.000	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt (i)	11.592.790.000	16.947.200.000
Ông Nguyễn Lý Đức Quân	14.200.000.000	14.200.000.000
Bà Trần Linh Trang	75.020.150.000	69.665.740.000
Cổ đông khác	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

(i) Tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025, các cổ đông này không phải là cổ đông lớn nên không trình bày.

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	191.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	8.900.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức đã chia	40.000.000.000	38.220.000.000

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	48.242.591.185	45.642.229.475
<b>Tổng</b>	<b>48.242.591.185</b>	<b>45.642.229.475</b>

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp**

**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	13.044.569.276	8.700.488.682
<b>Tổng</b>	<b>19.668.129.036</b>	<b>15.324.048.442</b>

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Giá trị theo loại ngoại tệ</b>		
USD	3.486.982,24	947.144,95
EUR	53.091,21	170.635,27
<b>Giá trị tương đương VND</b>		
USD	90.930.054.237	23.917.050.272
EUR	1.611.249.204	4.455.860.234

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.908.833.158.745	2.836.360.982.425
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.938.053.185	61.594.776.545
<b>Tổng</b>	<b>2.965.771.211.930</b>	<b>2.897.955.758.970</b>

*Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan*

*(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)*

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.698.989.748	2.934.171.828
Hàng bán bị trả lại	2.309.083.497	2.256.278.367
<b>Tổng</b>	<b>6.008.073.245</b>	<b>5.190.450.195</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.902.825.085.500	2.831.170.532.230
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.938.053.185	61.594.776.545
<b>Tổng</b>	<b>2.959.763.138.685</b>	<b>2.892.765.308.775</b>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	2.373.386.841.721	2.329.887.448.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.388.587.993	11.198.330.597
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	339.179.305	1.335.218.039
<b>Tổng</b>	<b>2.394.114.609.019</b>	<b>2.342.420.997.136</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	6.913.084.356	6.666.254.499
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.143.871.000	14.703.720.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.812.466.982	36.563.828.428
<b>Tổng</b>	<b>53.869.422.338</b>	<b>57.933.802.927</b>
<i>Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>18.453.870.000</i>	<i>13.999.350.000</i>

**6.6 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	53.646.848.501	47.436.130.769
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.758.070.298	24.833.001.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	912.538.862	2.960.393.457
Chiết khấu thanh toán	1.242.451.662	176.752.993
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	1.714.765.217	-
Chi phí tài chính khác	1.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>74.275.774.540</b>	<b>75.406.278.843</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>239.101.654.447</b>	<b>229.426.330.919</b>
Chi phí nhân viên	45.640.204.334	37.243.989.406
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.088.716.113	4.672.293.509
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	935.388.296	366.724.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.445.177.446	2.604.518.020
Thuế, phí, lệ phí	67.997.877	73.810.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.423.935.417	172.416.608.206
- Chi phí hoa hồng	56.377.801.390	58.504.285.388
- Chi phí xuất khẩu	58.711.987.919	76.333.692.679
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	13.116.987.784	13.400.430.106
- Chi phí quảng cáo	37.109.240.131	8.724.254.390
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	13.107.918.193	15.453.945.643
Chi phí bằng tiền khác	7.500.234.964	12.048.386.805
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>232.670.405.171</b>	<b>239.202.493.792</b>
Chi phí nhân viên quản lý	152.194.485.166	147.855.916.448
Chi phí vật liệu quản lý	5.752.645.327	8.219.091.327
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.608.710.536	2.753.154.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.213.873.938	14.165.561.261
Thuế phí và lệ phí	2.793.485.288	2.240.647.435
Chi phí dự phòng	3.173.806.467	93.774.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.294.867.265	39.408.189.178
Chi phí bằng tiền khác	19.638.531.184	24.466.159.569
<b>Tổng</b>	<b>471.772.059.618</b>	<b>468.628.824.711</b>

**6.8 Lợi nhuận khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.601.238.675</b>	<b>8.093.825.698</b>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	587.847.471	336.351.124
Thu nhập do xử lý công nợ	-	12.255.326
Thu nhập khác	4.013.391.204	7.745.219.248
<b>Tổng</b>	<b>4.601.238.675</b>	<b>8.093.825.698</b>
<b>Trong đó,</b>		
<b>Thu nhập khác với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</b>	<b>622.716.000</b>	<b>597.735.000</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>54.399.468</b>	<b>7.965.100.063</b>
Các khoản phạt	44.099.839	7.941.084.162
Chi phí khác	10.299.629	24.015.901
<b>Tổng</b>	<b>54.399.468</b>	<b>7.965.100.063</b>
<b>Lợi nhuận thuần khác</b>	<b>4.546.839.207</b>	<b>128.725.635</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.394.725.073.727	1.322.391.635.158
Chi phí nhân công	525.808.532.921	476.242.353.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.884.805.000	39.164.587.519
Chi phí dự phòng	3.512.985.772	1.428.992.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.122.031.769	1.001.027.546.254
Chi phí khác bằng tiền	36.379.980.917	36.996.007.475
<b>Tổng</b>	<b>3.014.433.410.106</b>	<b>2.877.251.122.691</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>78.016.957.053</b>	<b>64.371.736.647</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>4.294.241.845</b>	<b>19.925.574.454</b>
- Chi phí không được trừ	2.340.855.286	11.482.361.620
- Chi phí khấu hao vượt định mức	502.128.672	502.128.672
- Các khoản phạt	44.099.839	7.941.084.162
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	1.407.158.048	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(20.197.599.693)</b>	<b>(22.474.798.814)</b>
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(20.143.871.000)	(14.703.720.000)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của năm trước được chuyển sang năm nay	-	(2.414.141.072)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(53.728.693)	(5.356.937.742)
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>62.113.599.205</b>	<b>61.822.512.287</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.422.719.841</b>	<b>12.364.502.457</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các cam kết****Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Các cam kết (Tiếp theo)**

**Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP”**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với các thông tin chính như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.000.000 cổ phiếu tương ứng giá trị 10.000.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phần.
- Đối tượng phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý và cán bộ nhân viên chủ chốt của Tổng Công ty.
- Hạn chế quyền chuyển nhượng: số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian thực hiện: Quý III - Quý IV/2025;

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp, Tổng Công ty đang thực hiện các bước để phát hành cổ phiếu cho người lao động theo phương án đã được phê duyệt.

**Cam kết được cấp tín dụng**

Ngày 08/10/2025, Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 25415/25MN/HĐTD với các thông tin chính như sau:

Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;

Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND: thanh toán điện nước, chi lương CBNV qua HDBank và nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;

Biện pháp đảm bảo: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan**

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

**a. Thu nhập thành viên quản lý chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	612.000.000	612.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	216.000.000	216.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	8.487.654.363	7.457.108.185
<b>Tổng</b>		<b>9.315.654.363</b>	<b>8.285.108.185</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch mua chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Dịch vụ gia công	-	56.528.670.065
	Thuê máy	-	2.027.850.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Dịch vụ gia công	-	11.426.437.801
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Dịch vụ gia công	30.874.312.854	17.578.562.969
	Hàng hóa, dịch vụ khác	143.607.778	154.885.554
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Dịch vụ gia công	163.601.195.521	127.536.800.849
	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.574.074.072	1.611.111.108
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Dịch vụ gia công	115.846.063.725	118.876.763.087
	Hàng hóa, dịch vụ khác	-	139.972.500
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Dịch vụ gia công	420.079.265	904.313.314
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Dịch vụ vận chuyển	53.704.845.583	45.854.787.936
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Dịch vụ gia công	25.018.808.764	24.209.996.086
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Dịch vụ gia công	70.082.498.569	64.282.498.557
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	Dịch vụ gia công	78.005.135.500	83.883.640.720
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Dịch vụ gia công	31.621.610.658	53.718.725.117
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Dịch vụ gia công	18.073.603.486	37.520.475.451
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Thiết bị, công cụ dụng cụ	22.867.881.994	10.067.272.350
	Hàng hóa, dịch vụ khác	13.435.000	6.046.000
<b>Tổng</b>		<b>611.847.152.769</b>	<b>656.328.809.464</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)****c. Giao dịch bán chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Hàng hóa, dịch vụ khác	77.272.434	36.618.000
	Tiền thuê nhà	317.148.216	523.793.648
	Điện, ăn, nước, thuê máy	15.854.528	6.709.158
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	10.096.273
	Hàng hóa, dịch vụ khác	7.465.518.403	7.615.732.187
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Quần áo, nguyên phụ liệu	41.496.080.252	40.664.841.759
	Điện, ăn, nước, thuê máy	1.546.946.554	1.227.471.249
	Hàng hóa, dịch vụ khác	5.932.580.948	754.059.978
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Điện, ăn, nước, thuê máy	21.456.300	50.680.000
	Dịch vụ gia công	5.301.155.428	88.188.000.090
	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.376.826.060	1.181.417.576
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Tiền thuê nhà	139.119.655	52.012.128
	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.113.869.766	394.004.929
	Điện, ăn, nước, thuê máy	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Điện, ăn, nước, thuê máy	600.127.617	810.053.642
	Quần áo, nguyên phụ liệu	32.336.112	134.926.667
	Tiền thuê nhà	-	530.178.647
	Chi phí xuất nhập khẩu	4.820.156.324	2.671.670.308
	Hàng hóa, dịch vụ khác	772.639.411	1.112.030.133
	Quần áo, nguyên phụ liệu	135.148.100	23.981.450
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.783.240.103	1.278.908.479
	Điện, ăn, nước, thuê máy	40.010.612	171.672.798
	Tiền thuê nhà	-	6.136.425
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh	Hàng hóa, dịch vụ khác	146.487.478	66.505.934
	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	1.906.324.401
	Điện, ăn, nước, thuê máy	396.729.733	340.808.910
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Hàng hóa, dịch vụ khác	47.301.117	173.865.504
	Quần áo, nguyên phụ liệu	63.346.625.290	70.422.908.615
	Điện, ăn, nước, thuê máy	1.609.107	685.608.963
	Tiền thuê nhà	857.422.793	341.167.792
	Hàng hóa, dịch vụ khác	4.748.596.327	480.525.174
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	3.500.000
	Điện, ăn, nước, thuê máy	182.772.870	14.572.750
	Hàng hóa, dịch vụ khác	91.522.434	141.731.747
	Điện, ăn, nước, thuê máy	124.889.117	95.619.805
	Tiền thuê nhà	968.684.448	713.561.448
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	1.490.741
	Hàng hóa, dịch vụ khác	12.944.444	202.387.012
<b>Tổng</b>		<b>145.713.071.981</b>	<b>224.835.574.320</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận,  
thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)****d. Giao dịch khác chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>18.453.870.000</b>	<b>13.999.350.000</b>
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Cổ tức	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cổ tức	3.570.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Cổ tức	2.550.000.000	1.224.000.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Cổ tức	1.796.310.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Cổ tức	581.760.000	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Cổ tức	2.295.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Cổ tức	685.800.000	514.350.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Cổ tức	600.000.000	480.000.000
<b>Thu nhập khác</b>		<b>622.716.000</b>	<b>597.735.000</b>
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Bán tài sản	-	597.735.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Bán tài sản	622.716.000	-

**e. Số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>	<b>192.880.420.399</b>	<b>151.459.873.065</b>
Công ty Cổ phần May Bình Định	79.178.286	261.671.632
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	3.931.650.334	6.663.230.349
Công ty Cổ phần May Gia Lai	2.158.880.194	7.325.767.909
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	52.937.665.340	43.916.617.653
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	8.751.000.000	8.751.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	216.271.500	-
Công ty Cổ phần NBC Logistics	547.228.205	1.149.113.344
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	91.591.078.012	49.904.226.874
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	106.644.489	84.178.988
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	-	14.036.000
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	31.894.672.484	32.750.303.316
Công Ty Cổ Phần May Đà Lạt	26.424.555	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)****e. Số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b>	<b>70.021.679.528</b>	<b>63.629.616.592</b>
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	581.760.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	17.272.695.273	15.286.209.168
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	15.691.480.876	15.266.040.521
Công ty Cổ phần May Gia Lai	2.544.876.481	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	15.998.976	15.998.976
Công ty Cổ phần NBC Logistics	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	24.989.510.833	24.989.510.833
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	7.853.494.983	6.999.994.988
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	71.862.106	71.862.106
<b><u>Phải thu khác dài hạn</u></b>	<b>13.530.555.553</b>	<b>25.530.555.553</b>
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	830.555.553	830.555.553
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	12.700.000.000	12.700.000.000
<b><u>Trả trước người bán ngắn hạn</u></b>	<b>33.322.136.397</b>	<b>75.562.258.649</b>
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	11.291.629.158	53.079.126.335
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	15.195.548.126	15.649.233.733
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	5.900.862.573	5.899.802.041
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	934.096.540	934.096.540
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>	<b>67.996.449.794</b>	<b>53.519.950.811</b>
Công ty Cổ phần May An Nhơn	2.055.001.807	6.189.464.331
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	5.629.256.844	3.936.453.524
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	13.434.853.644	8.564.698.109
Công ty Cổ phần May Tam Quan	24.817.585.531	17.843.292.304
Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh)	8.324.741.762	9.432.530.309
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	4.362.979.976	1.888.426.943
Công ty Cổ phần NBC Logistics	6.236.901.098	3.924.894.331
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	3.129.629.132	1.734.690.960
<b><u>Doanh thu chưa thực hiện</u></b>	<b>3.096.891.200</b>	<b>3.121.290.664</b>
Công ty Cổ phần May Tam Quan	3.096.891.200	3.121.290.664

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Đặng Minh Tuyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

